

Số: 02 /QĐ-SDL

Bình Định, ngày 02 tháng 1 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

V/v công bố công khai dự toán ngân sách năm 2018 của Sở Du lịch

GIÁM ĐỐC SỞ DU LỊCH BÌNH ĐỊNH

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 89/2016/QĐ-UBND ngày 30/12/2016 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Định về việc ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Du lịch Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 4568/QĐ-UBND ngày 8/12/2017 của UBND tỉnh Bình Định về việc giao dự toán chi thường xuyên ngân sách tỉnh năm 2018 cho Sở Du lịch;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Sở,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2018 của Sở Du lịch (theo các biểu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3: Chánh Văn phòng Sở, Giám đốc Trung tâm thông tin Xúc tiến Du lịch và các phòng, đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (báo cáo)
- Như điều 3;
- Sở Tài chính;
- KBNN tỉnh;
- Lưu: VT

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Dũng

Đơn vị: SỞ DU LỊCH BÌNH ĐỊNH
Chương: 428

DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH ĐƯỢC GIAO VÀ PHÂN BỐ CHO CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC NĂM 2018

(Kèm theo Quyết định số 02 /QĐ-SDL ngày 02 / 1 /2018 của Sở Du lịch Bình Định)

DVT: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Tổng số được giao	Tổng số đã phân bổ	Chi tiết theo đơn vị sử dụng	
				Văn phòng Sở Du lịch	Trung tâm Thông tin Xúc tiến Du lịch
a	b	c	d	đ	e
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
1	Số thu phí, lệ phí	114	114	114	
1.1	Phí	114	114	114	
a	Phí cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch	55	55	55	
b	Phí thăm định khách sạn	59	59	59	
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại	70	70	70	
2.1	Chi quản lý hành chính	70	70	70	
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	70	70	70	
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	0	0	0	
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN	44	44	44	
3.1	Phí	44	44	44	
a	Phí cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch	38	38	38	
b	Phí thăm định khách sạn	6	6	6	
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	9.420	9.420	6.188,875	3.231,125
1	Chi quản lý hành chính	3.550	3.550	3.550	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	2.618	2.618	2.618	
	<i>Loại 340 - Khoản 341 - Nguồn 13</i>	<i>2.551</i>	<i>2.551</i>	<i>2.551</i>	
	- Quản lý Nhà nước	2.529	2.529	2.529	
	- Khen thưởng toàn ngành			22	
	<i>Loại 340 - Khoản 341 - Nguồn 14</i>	<i>67</i>	<i>67</i>	<i>67</i>	
	- Tiết kiệm 10% CCTL tại đơn vị	67	67	67	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	932	932	932	
	<i>Loại 340 - Khoản 341 - Nguồn 12</i>	<i>932</i>	<i>932</i>	<i>932</i>	
	- Hỗ trợ kinh phí hoạt động Đảng bộ cơ sở	9	9	9	
	- Chi cho đội KTLN du lịch năm 2018, chi nghiệp vụ thanh tra, chi cho bộ phận một cửa	277	277	277	
	- Ban Chỉ đạo xúc tiến du lịch	45	45	45	
	- Nghiệp vụ	135	135	135	
	- Mua sắm, sửa chữa tài sản	450	450	450	
	- Trang phục thanh tra	16	16	16	
2	Chi sự nghiệp kinh tế	5.848	5.848	2.616,875	3.231,125
2.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	896	896		896
	<i>Loại 280 - Khoản 322 - Nguồn 13</i>	<i>871</i>	<i>871</i>		<i>871</i>
	- Lương và kinh phí hoạt động	871	871		871
	<i>Loại 280 - Khoản 322 - Nguồn 14</i>	<i>25</i>	<i>25</i>		<i>25</i>



STT	NỘI DUNG	Tổng số được giao	Tổng số đã phân bổ	Chi tiết theo đơn vị sử dụng	
				Văn phòng Sở Du lịch	Trung tâm Thông tin Xúc tiến Du lịch
	- Tiết kiệm 10% CCTL tại đơn vị	25	25		25
2.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	4.952	4.952	2.616,875	2.335,125
	<i>Loại 280 - Khoản 322 - Nguồn 12</i>	<i>4.952</i>	<i>4.952</i>	<i>2.616,875</i>	<i>2.335,125</i>
	- Nghiệp vụ chuyên môn, hỗ trợ các hoạt động du lịch	2.745	2.745	544,875	2.200,125
	- Mua sắm, sửa chữa tài sản	135	135		135
	Chi Quy hoạch Khu du lịch Phương Mai Núi Bà lập hồ sơ Khu du lịch Quốc gia	2.072	2.072	2.072	
3	Chi sự nghiệp đào tạo	22	22	22	
	<i>Loại 070 - Khoản 083 - Nguồn 12</i>	<i>22</i>	<i>22</i>	<i>22</i>	<i>0</i>
	-Chi đào tạo tập huấn	22	22	22	
III	<u>Dự toán chi từ nguồn cải cách tiền lương và nguồn thu tại đơn vị</u>	<u>6</u>	<u>6</u>	<u>0</u>	<u>6</u>
	- Đơn vị sử dụng nguồn cải cách tiền lương tại đơn vị để chi trả lương cho số biên chế được UBND tỉnh giao (*)	6	6		6

